



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 – 06
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	09 – 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 – 32
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	33
8. Phụ lục 02: Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	34
9. Phụ lục 03: Báo cáo tình hình tiêu thụ vé cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	35
10. Phụ lục 04: Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo thanh toán của đại lý xổ số cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	36 - 40
11. Phụ lục 05: Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý và chi ủy quyền trả thưởng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	41 - 43
12. Phụ lục 06: Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	44



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng (gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 687/UB – TC ngày 24 tháng 10 năm 1992 và được chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1862/QĐ – UBND ngày 21 tháng 07 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4204000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 số 5800000230 cấp ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Vốn điều lệ : 280.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (0263) 3 822 111
- Fax : +84 (0263) 3 821 934
- Mã số thuế : 5 8 0 0 0 0 2 3 0

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh xổ số.

4. Chủ tịch, Trưởng ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm :

4.1 Chủ tịch

Chủ tịch của Công ty là ông Đoàn Kim Đình được bổ nhiệm theo quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022.

4.2 Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Trưởng ban kiểm soát	23/09/2022	-

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc	01/09/2021	-
Ông Đỗ Đình Hạnh	Phó Giám đốc	01/09/2021	-
Bà Trần Thị Diệp Thảo	Phó Giám đốc	01/12/2019	-
Ông Huỳnh Văn Khoa	Phó Giám đốc	06/04/2026	-
Ông Đinh Mạnh Hà	Kế toán trưởng	01/03/2021	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đoàn Kim Đình – Chủ tịch Công ty và ông Vũ Đình Tuấn – Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ Sổ Kiến Thiết Lâm Đồng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 44.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TM. Ban Giám đốc



VŨ ĐÌNH TUẤN

Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2026.

Số: 030801/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc và các phụ lục kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp xổ số Việt Nam theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 08 năm 2009, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

0303
C
TRÁCH
KIỂM T
CH
15-1

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết Lâm Đồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác phát hành tại ngày lần lượt là 08 tháng 08 năm 2025 và 20 tháng 03 năm 2026 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần kèm đoạn nhấn mạnh (không còn ảnh hưởng đến báo cáo kỳ này) và vấn đề khác.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các Phụ lục dưới đây không phải là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính. Các phụ lục được đính kèm với Báo cáo tài chính này chỉ sử dụng cho mục đích quản trị nội bộ của Công ty.

Phụ lục	Nội dung	Trang
02	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh	34
03	Báo cáo tình hình tiêu thụ vé	35
04	Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo thanh toán của đại lý xổ số	36 - 40
05	Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý và chi ủy quyền trả thưởng	41 - 43
06	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước	44

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Hoàng Thái Tân – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 2817-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.256.919.641.376	1.480.219.096.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120.487.337.592	139.967.202.291
1. Tiền	111		120.487.337.592	129.967.202.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.829.136.992	1.048.431.979.453
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	800.829.136.992	1.048.431.979.453
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		325.029.551.138	282.593.982.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	325.331.389.833	283.181.103.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	362.830.500	94.340.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		135.796.200	119.004.339
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(800.465.395)	(800.465.395)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.346.319.968	7.927.052.598
1. Hàng tồn kho	141		8.346.319.968	7.927.052.598
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150			
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.227.295.686	1.298.879.676
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	2.227.295.686	1.298.879.676
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.808.943.436	97.893.356.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.614.461.418	55.039.549.974
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	27.755.883.770	29.791.299.590
- Nguyên giá	222		61.829.966.717	61.876.564.217
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.074.082.947)	(32.085.264.627)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	24.858.577.648	25.248.250.384
- Nguyên giá	228		32.756.571.626	32.756.571.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.897.993.978)	(7.508.321.242)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		42.194.482.018	42.853.806.550
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	42.194.482.018	42.853.806.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.351.728.584.812	1.578.112.453.293

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu			Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Nợ khó đòi đã xử lý	1.	V.18	442.069.819	442.069.819
2.	Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	2.	V.18	492.528.901.903	432.521.621.974

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2026

Kế toán trưởng

Giám Đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG HIẾU

ĐÌNH MẠNH HÀ



MŨ ĐÌNH TUẤN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	3.628.907.079.063	3.201.562.261.804
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		3.628.605.490.708	3.201.254.654.392
01.1.1	1.1.1 Xổ số truyền thống		3.617.696.472.612	3.190.564.281.760
01.1.2	1.1.2 Xổ số cào		-	-
01.1.3	1.1.3 Xổ số bốc		10.909.018.096	10.690.372.632
01.1.4	1.1.4 Xổ số lô tô		-	-
01.1.5	1.1.5 Xổ số điện toán		-	-
01.2	1.2 Doanh thu kinh doanh khác		301.588.355	307.607.412
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	473.296.368.352	417.554.954.922
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		473.296.368.352	417.554.954.922
02.1.1	2.1.1 Xổ số truyền thống		471.873.452.949	416.160.558.491
02.1.2	2.1.2 Xổ số cào		-	-
02.1.3	2.1.3 Xổ số bốc		1.422.915.403	1.394.396.431
02.1.4	2.1.4 Xổ số lô tô		-	-
02.1.5	2.1.5 Xổ số điện toán		-	-
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.155.610.710.711	2.784.007.306.882
10.1	3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		3.155.309.122.356	2.783.699.699.470
10.1.1	3.1.1 Xổ số truyền thống		3.145.823.019.663	2.774.403.723.269
10.1.2	3.1.2 Xổ số cào		-	-
10.1.3	3.1.3 Xổ số bốc		9.486.102.693	9.295.976.201
10.1.4	3.1.4 Xổ số lô tô		-	-
10.1.5	3.1.5 Xổ số điện toán		-	-
10.2	3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác		301.588.355	307.607.412
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.3	2.577.505.964.295	2.293.316.551.160
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		2.577.505.964.295	2.293.316.551.160
11.1.1	4.1.1 Chi phí trả thưởng		1.907.209.190.000	1.696.684.170.000
11.1.2	4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		670.296.774.295	596.632.381.160
11.2	4.2 Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
20	5. Lợi nhuận gộp		578.104.746.416	490.690.755.722
20.1	5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		577.803.158.061	490.383.148.310
20.2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		301.588.355	307.607.412
21	6. tư			
22	7. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	17.318.839.047	11.779.009.827
23	8. Chi phí tài chính		-	-
24	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	30.419.378.634	27.479.663.863
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		565.004.206.829	474.990.101.686
31	12. Thu nhập khác	VI.6	194.250.004	240.318.184
32	13. Chi phí khác		519.111	655.043
40	14. Lợi nhuận khác		193.730.893	239.663.141
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		565.197.937.722	475.229.764.827
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	113.160.634.927	95.103.976.870
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		452.037.302.795	380.125.787.957

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG HIẾU

ĐINH MẠNH HÀ



V. ĐINH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.875.165.291.364	2.507.929.555.580
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(1.362.278.380.587)	(1.188.349.671.003)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(41.168.428.205)	(28.142.703.230)
04	4. Chi phí đi vay đã trả		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(149.732.262.362)	(143.921.660.601)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.803.612.056	3.399.794.908
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(965.646.967.261)	(855.771.649.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		359.142.865.005	295.143.665.767
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(730.000.000.000)	(438.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		983.431.979.453	430.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.4	11.498.811.644	10.054.122.154
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		264.930.791.097	2.054.122.154
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.10	(643.553.520.801)	(557.711.067.883)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(643.553.520.801)	(557.711.067.883)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(19.479.864.699)	(260.513.279.962)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	139.967.202.291	455.988.997.329
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	120.487.337.592	195.475.717.367

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2026

Giám Đốc



TRẦN THỊ PHƯƠNG HIẾU



ĐINH MẠNH HÀ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có 100% vốn Nhà nước

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Trụ sở đặt tại số 4 - 6, đường Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động kinh doanh xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc – Chi tiết: Hoạt động xổ số.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty 1 tuần 1 lần.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kỳ này, Công ty được phê duyệt tăng lượng vé phát hành 13,39% so với cùng kỳ năm trước, do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và chi phí kinh doanh kỳ này tăng lần lượt 13,35% và 12,39% cùng kỳ năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 114 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 112 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 168/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 08 năm 2009 và các thông tư có liên quan. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh (thuyết minh mục IV.21) do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ trước

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp xổ số Việt Nam theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 08 năm 2009, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp xổ số Việt Nam theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 08 năm 2009, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản đầu tư khác có bản chất tương tự nhằm mục đích thu lãi định kỳ hoặc các lợi ích kinh tế khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dồn tích phù hợp với thời gian nắm giữ và lãi suất thực tế của khoản đầu tư. Khoản lãi được hưởng trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư tại thời điểm mua.

Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng/ hoặc phương pháp lãi suất thực phù hợp với thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, thanh lý hoặc nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Hàng hóa: vé số các loại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí in và gia công vé số.

Phương pháp tính giá trị và hạch toán hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí mua bảo hiểm và các khoản chi trả trước khác liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Giá trị công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh theo quy định hiện hành;
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả trước phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê đất còn lại. Thời gian phân bổ tương ứng với thời gian thuê đất như sau:

- Tiền thuê đất số 6 Hồ Tùng Mậu – phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm đồng phân bổ theo thời hạn thuê 50 năm.
- Tiền thuê đất số 4 Hồ Tùng Mậu – phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm đồng phân bổ theo thời hạn thuê 30 năm.

31281
CÔNG
NHIỆM
TOÁN VÀ
UẢN V
TP. HỒ

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và thông tư sửa đổi bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí tiền lương

Quỹ lương Người lao động và Người quản lý 06 tháng đầu năm 2026 Công ty đang tạm trích theo quỹ lương kế hoạch đã được phê duyệt của năm 2025.

Tại ngày 30/06/2026, Quỹ lương kế hoạch năm 2026 của Người lao động và Người quản lý chưa được phê duyệt.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện Phân phối lợi nhuận theo điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 và điều 7 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- a. Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ.
Đối với các tổ chức tín dụng, trích không quá 50% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ Đầu tư phát triển theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng
- b. Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.
Riêng các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, trường hợp không đủ nguồn từ lợi nhuận sau thuế thì được Nhà nước hỗ trợ để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 02 tháng lương thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp;
- c. Trích lập các quỹ theo quy định của các luật có liên quan;
- d. Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu xổ số

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép: là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Doanh thu hoạt động tài chính

Hạch toán vào doanh thu khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền;

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ

Thu nhập khác

Hạch toán vào doanh thu khi có bằng chứng khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt.

16. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số

Chi phí trực tiếp phát hành xổ số được ghi nhận bao gồm:

Chi phí cho các đại lý

a) Mức chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm thực hiện chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP của Chính Phủ.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mức chi hoa hồng đại lý do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định, đảm bảo nguyên tắc tối đa không được vượt quá 15% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

b) Mức chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm thực hiện chi ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP của Chính Phủ.

Mức chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số tối đa không quá 0,2% tổng giá trị giải thưởng mà đại lý xổ số đã thanh toán theo ủy quyền.

Mức chi phí hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả

Căn cứ tình hình thực tế, doanh nghiệp kinh doanh xổ số trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề và làm vé số giả đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc chi quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP của Chính Phủ và không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và tổng chi phí chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả quy định tại Khoản 4 Điều này.

Mức chi đối với các vụ án đã có bản án của Tòa án nhân dân tối đa là 50 triệu đồng/vụ án.

Mức chi đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt của người vi phạm tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 15 triệu đồng/vụ.

Tổng mức chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả trong năm tài chính thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Không vượt quá 1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại khu vực miền Bắc và miền Trung;

b) Không vượt quá 0,1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại khu vực miền Nam và Vielott.

Mức chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực có trách nhiệm thực hiện việc đóng góp và quản lý chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực theo quy định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP của Chính Phủ.

Mức chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực của từng doanh nghiệp kinh doanh xổ số do Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực quy định theo thỏa thuận của từng Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực, đảm bảo tối đa không được vượt quá 60 triệu đồng/năm (05 triệu đồng/tháng) đối với từng hội đồng. Mức đóng góp này không bao gồm các chi phí trả thưởng, chi phí quay số mở thưởng, chi phí in vé xổ số của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành.

Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng Công ty thực hiện theo khoản 6 điều 5 của Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

a) Nguyên tắc trích lập:

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Tại thời điểm trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

Trong đó, đối với Vietlott, tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ không bao gồm doanh thu từ các kỳ bán trước chưa được quay số mở thưởng.

- Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập và 3% đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam và Vietlott.

b) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

$$\text{Dự phòng rủi ro trả thưởng} = \frac{\text{Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập}}{\text{Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số}} \times \text{Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.}$$

c) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định.

d) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chi phí trực tiếp phát hành khác

Các khoản trực tiếp liên quan đến việc phát hành ngoại trừ các khoản đã nêu ở trên.

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước các loại:

- Thuế GTGT phải nộp;
- Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%);
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt về kinh doanh xổ số (thuế suất 15%);
- Lợi nhuận thực hiện còn lại sau khi trích lập các quỹ;

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

21. Số liệu so sánh

Một vài số dư trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành (thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, năm trước theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính). Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Cuối năm trước theo Thông tư 200/2014/TT-BTC/Trước điều chỉnh	Đầu năm nay được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC/Sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
	Tài sản ngắn hạn			
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.035.000.000.000	1.048.431.979.453	13.431.979.453
135	Phải thu ngắn hạn khác	13.550.983.792	119.004.339	(13.431.979.453)
	CỘNG TÀI SẢN	1.048.550.983.792	1.048.550.983.792	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	25.414.401.454	5.163.387.274
Tiền gửi ngân hàng ⁽¹⁾	95.072.936.138	124.803.815.017
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	120.487.337.592	139.967.202.291

⁽¹⁾ Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	66.597.123.917	55.308.971.294
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng	18.540.433.982	29.015.764.016
- Các ngân hàng khác	9.935.378.239	40.479.079.707
Cộng	95.072.936.138	124.803.815.017

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	800.829.136.992	-	1.048.431.979.454	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	181.312.465.754	-	232.803.260.274	-
- Gốc cho vay	180.000.000.000	-	230.000.000.000	-
- Lãi dự thu cho vay	1.312.465.754	-	2.803.260.274	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	170.971.397.261	-	253.180.958.905	-
- Gốc cho vay	170.000.000.000	-	250.000.000.000	-
- Lãi dự thu cho vay	971.397.261	-	3.180.958.905	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	151.231.753.427	-	222.810.383.562	-
- Gốc cho vay	150.000.000.000	-	220.000.000.000	-
- Lãi dự thu cho vay	1.231.753.427	-	2.810.383.562	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN	130.883.068.493	-	172.258.410.959	-
- Gốc cho vay	130.000.000.000	-	170.000.000.000	-
- Lãi dự thu cho vay	883.068.493	-	2.258.410.959	-
Các ngân hàng khác	166.430.452.057	-	167.378.965.753	-
- Gốc cho vay	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
- Lãi dự thu cho vay	1.430.452.057	-	2.378.965.753	-
Cộng	800.829.136.992	-	1.048.431.979.453	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu các đại lý vé số.

Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của các tổ chức và cá nhân khác	325.331.389.833	(690.570.645)	283.181.103.807	(690.570.645)
- Trần Văn Sang	20.557.056.890	-	16.928.637.517	-
- Mai Hữu Ánh	13.682.335.625	-	11.962.626.975	-
- Nguyễn Thị Hồng Thúy	11.618.252.850	-	10.166.002.925	-
- Thái Phước Đại	11.391.595.650	-	9.963.750.000	-
- Các đối tượng khác	268.082.148.818	(690.570.645)	234.160.086.390	(690.570.645)
Cộng	325.331.389.833	(690.570.645)	283.181.103.807	(690.570.645)

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước ngắn hạn của bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước ngắn hạn của các tổ chức cá nhân khác</i>	362.830.500	94.340.000
- Công ty TNHH May Thêu Giày An Phước	184.784.500	-
- Các đối tượng khác	178.046.000	94.340.000
Cộng	362.830.500	94.340.000

5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Danh Quang Tuyền	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	-	-
Nguyễn Văn Quý	Trên 3 năm	690.570.645	-	Trên 3 năm	690.570.645	-
Nguyễn Đài Trung	Trên 3 năm	85.894.750	-	Trên 3 năm	85.894.750	-
Công ty CP Phát triển KD và Truyền thông Việt	Trên 3 năm	24.000.000	-	Trên 3 năm	24.000.000	-
Cộng		800.465.395	-		800.465.395	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	(800.465.395)	(800.465.395)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(800.465.395)	(800.465.395)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	210.268.732	-	102.600.598	-
Giấy in vé kiến thiết	2.302.543.600	-	2.550.912.000	-
Chi phí SXKD dở dang	748.660.000	-	762.099.200	-
Hàng hóa	5.071.408.436	-	4.524.880.000	-
Cộng	8.346.319.968	-	7.927.052.598	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7. Chi phí chờ phân bổ ngắn/dài hạn**7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí bảo hiểm	2.063.501.380	1.171.148.001
- Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	163.794.306	127.731.675
Cộng	2.227.295.686	1.298.879.676

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	1.298.879.676	1.464.215.360
Tăng trong kỳ	2.461.192.133	2.296.282.586
Phân bổ trong kỳ	(1.532.776.123)	(1.677.058.209)
Số cuối kỳ	2.227.295.686	2.083.439.737

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền thuê đất ^(*)	40.930.272.142	41.544.070.708
- Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.264.209.876	1.309.735.842
Cộng	42.194.482.018	42.853.806.550

^(*)Chi tiết tiền thuê đất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền thuê đất số 6 Hồ Tùng Mậu – phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm đồng (thời hạn thuê 50 năm)	35.123.550.000	35.579.700.000
- Tiền thuê đất số 4 Hồ Tùng Mậu – phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm đồng (thời hạn thuê 30 năm)	5.806.722.142	5.964.370.708
Cộng	40.930.272.142	41.544.070.708

Tình hình biến động chi phí chờ phân bổ dài hạn như sau:

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	42.853.806.550	44.404.637.261
Tăng trong kỳ	626.612.965	155.872.900
Phân bổ trong kỳ	(1.285.937.497)	(1.362.209.956)
Số cuối kỳ	42.194.482.018	43.198.300.205

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

8. Tài sản cố định hữu hìnhChi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá	6.388.747.588	25.047.727.438	1.320.096.600	32.756.571.626
Số đầu năm				
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.388.747.588	25.047.727.438	1.320.096.600	32.756.571.626
<i>Tài sản đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng</i>	-	-	711.296.600	711.296.600
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	-	6.410.401.656	1.097.919.586	7.508.321.242
Khấu hao trong kỳ	-	288.206.070	101.466.666	389.672.736
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	6.698.607.726	1.199.386.252	7.897.993.978
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.388.747.588	18.637.325.782	222.177.014	25.248.250.384
Số cuối kỳ	6.388.747.588	18.349.119.712	120.710.348	24.858.577.648

Quyền sử dụng đất được trình bày trên mục Tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 242 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 061736 ngày 24 tháng 06 năm 2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh cấp. Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2023 là 25.047.727.438 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: 124 Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, Tp. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 332/208/GCN - QSDNƠ&QSDĐO ngày 22 tháng 12 năm 2008 do UBND Tp. Hồ Chí Minh cấp. Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2023 là 6.388.747.588 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	50.647.175.711	-	359.656.865.847	(352.451.740.128)	57.852.301.430	-
- Thuế TTĐB	66.634.299.604	-	473.296.368.352	(463.832.745.037)	76.097.922.919	-
- Thuế TNDN	149.732.262.362	-	113.160.634.927	(149.732.262.362)	113.160.634.927	-
- LN sau phân phối phải nộp ngân sách	643.553.520.801	-	323.403.052.795	(643.553.520.801)	323.403.052.795	-
- Thuế TNCN từ trúng thưởng xổ số	16.485.500.000	-	100.946.069.000	(99.905.569.000)	17.526.000.000	-
- Thuế TNCN từ đại lý xổ số	4.238.060.112	-	30.098.010.887	(29.491.614.092)	4.844.456.907	-
- Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	147.144.063	-	6.995.721.172	(6.998.182.335)	144.682.900	-
- Thuế khác	-	-	6.915	(6.915)	-	-
Cộng	931.437.962.653	-	1.407.556.729.895	(1.745.965.640.670)	593.029.051.878	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết với thuế suất 15%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	565.197.937.722	475.229.764.827
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	605.236.915	290.119.524
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	565.803.174.637	475.519.884.351
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	565.803.174.637	475.519.884.351
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	565.803.174.637	475.519.884.351
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	113.160.634.927	95.103.976.870

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ lương còn phải chi cho Chủ tịch Công ty	298.800.000	454.216.359
Quỹ lương còn phải chi cho Trường Ban kiểm soát	283.900.002	388.161.641
Quỹ lương còn phải chi cho Ban điều hành	1.202.900.002	1.800.452.086
Quỹ lương còn phải chi cho Người lao động	12.011.655.965	25.783.085.225
Cộng	13.797.255.969	28.425.915.311

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>3.613.156.940</i>	<i>417.301.946</i>
Chi phí ủy quyền trả thưởng	3.240.311.740	-
Chi phí vận chuyển	293.382.600	-
Các khoản phải trả khác	79.462.600	417.301.946
Cộng	3.613.156.940	417.301.946

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi Ban quản lý	2.397.125.853	1.011.500.000	(273.200.000)	3.135.425.853
Quỹ khen thưởng người lao động	6.783.268.000	3.811.375.000	(2.319.883.000)	8.274.760.000
Quỹ phúc lợi	6.472.328.587	3.811.375.000	(3.519.130.358)	6.764.573.229
Cộng	15.652.722.440	8.634.250.000	(6.112.213.358)	18.174.759.082

14. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng Công ty thực hiện theo khoản 6 điều 5 của Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Dự phòng rủi ro trả thưởng chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	215.178.471.300	193.663.253.550
Tăng do trích lập	-	-
Số đã sử dụng	-	-
Số hoàn nhập	-	-
Số cuối kỳ	215.178.471.300	193.663.253.550

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	106.990.224.913	110.433.163.961
Tăng do trích lập	-	24.959.187
Số đã sử dụng	-	
Số hoàn nhập	-	(3.467.898.235)
Số cuối kỳ	106.990.224.913	106.990.224.913

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025				
Tại ngày 01/01/2025	280.000.000.000		-	280.787.000.000
Tăng trong kỳ	-		380.125.787.957	380.125.787.957
- Lãi trong kỳ	-		380.125.787.957	380.125.787.957
Giảm trong kỳ			(380.125.787.957)	(380.125.787.957)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		(8.297.126.543)	(8.297.126.543)
- Kết chuyển lợi nhuận còn lại nộp ngân sách NN	-		(371.828.661.414)	(371.828.661.414)
Tại ngày 30/06/2025	280.000.000.000	-	-	-
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026				
Tại ngày 01/01/2026	280.000.000.000		-	280.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	120.000.000.000	452.037.302.795	452.037.302.795
- Lãi trong kỳ	-	-	452.037.302.795	452.037.302.795
- Trích quỹ đầu tư và phát triển		120.000.000.000	-	120.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	(452.037.302.795)	(452.037.302.795)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(8.634.250.000)	(8.634.250.000)
- Kết chuyển lợi nhuận còn lại nộp ngân sách NN	-	-	(323.403.052.795)	(323.403.052.795)
- Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2026	280.000.000.000	120.000.000.000	-	280.000.000.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

16b. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận như sau:

	VND
• Tạm trích Quỹ đầu tư và phát triển	: (120.000.000.000)
• Tạm trích Quỹ khen thưởng người lao động	: (3.811.375.000)
• Tạm trích Quỹ phúc lợi	: (3.811.375.000)
• Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi Người quản lý	: (1.011.500.000)
• Lợi nhuận còn lại nộp ngân sách	: (323.403.052.795)
Tổng cộng	: (452.037.302.795)

17. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**17a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đặng Văn Chính	393.881.314	393.881.314
- Các cá nhân khác	48.188.505	48.188.505
Tổng	442.069.819	442.069.819

17b. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trần Văn Sang	27.707.867.000	25.207.867.000
- Mai Hữu Ánh	22.067.768.000	17.867.768.000
- Nguyễn Thị Hồng Thúy	17.650.000.000	15.550.000.000
- Thái Phước Đại	17.532.300.000	7.369.300.000
- Các cá nhân thế chấp khác	407.570.966.903	366.526.686.974
Tổng	492.528.901.903	432.521.621.974

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu kinh doanh xổ số	3.628.605.490.708	3.201.254.654.392
Doanh thu kinh doanh khác	301.588.355	307.607.412
Cộng	3.628.907.079.063	3.201.562.261.804

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hoạt động xổ số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

3. Chi phí kinh doanh xổ số

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí phát thưởng	1.907.209.190.000	1.696.684.170.000
Chi phí phát hành xổ số	670.296.774.295	596.632.381.160
Cộng	2.577.505.964.295	2.293.316.551.160

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.318.839.047	11.779.009.827
Cộng	17.318.839.047	11.779.009.827

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	4.387.591.339	4.409.574.869
Chi phí vật liệu quản lý	1.675.448.804	1.038.441.582
Chi phí đồ dùng văn phòng	875.784.681	971.373.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.426.830.966	2.463.879.579
Thuế, phí và lệ phí	132.838.308	69.013.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.534.118.642	2.967.419.292
Chi phí bằng tiền khác	18.386.765.894	15.559.960.897
Cộng	30.419.378.634	27.479.663.863

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	4.387.591.339	4.409.574.869
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	2.551.233.485	2.009.815.370
Chi phí khấu hao	2.426.830.966	2.463.879.579
Chi phí trực tiếp phát hành	1.907.209.190.000	1.696.684.170.000
Chi phí trả thưởng	670.296.774.295	596.632.381.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.534.118.642	2.967.419.292
Chi phí bằng tiền khác	18.519.604.202	15.628.974.753
Cộng	2.607.925.342.929	2.320.796.215.023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty, các thành viên Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng) và kiểm soát viên. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 4 – 6 Hồ Tùng Mậu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tiền lương, thưởng	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đoàn Kim Đình	Chủ tịch	654.000.000	654.224.551
Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc	573.121.569	629.994.012
Ông Đỗ Đình Hạnh	Phó Giám đốc	506.992.157	557.302.395
Bà Trần Thị Diệp Thảo	Phó Giám đốc	506.992.157	557.302.395
Ông Phạm Văn Bình	Phó Giám đốc	506.992.157	557.302.395
Ông Huỳnh Văn Khoa	Phó Giám đốc	253.496.078	-
Ông Đinh Mạnh Hà	Kế toán trưởng	462.905.882	508.841.318
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Trưởng BKS	581.500.000	581.532.935
Cộng		4.046.000.000	4.046.500.001

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xổ số.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là 9 tỉnh thành khu vực phía Nam.

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

TRẦN THỊ PHƯƠNG HIẾU

Kế toán trưởng

ĐINH MẠNH HÀ

Giám Đốc



VŨ ĐÌNH TUẤN

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
<i>Số đầu năm</i>	37.353.045.217	16.297.762.468	6.733.387.223	1.492.369.309	61.876.564.217
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	-	-	-
Tăng do mua mới	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-	-	46.597.500	46.597.500
Giảm do thanh lý	-	-	-	46.597.500	46.597.500
Giảm do điều chuyển sang CCDC	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>37.353.045.217</u>	<u>16.297.762.468</u>	<u>6.733.387.223</u>	<u>1.445.771.809</u>	<u>61.829.966.717</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là</i>	2.741.135.709	5.423.363.221	1.535.875.576	1.286.371.809	10.986.746.315
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số đầu năm</i>	15.633.702.245	10.028.371.817	4.979.777.050	1.443.413.515	32.085.264.627
<i>Tăng trong kỳ</i>	697.564.440	992.631.522	329.279.856	15.940.002	2.035.415.820
Khấu hao trong kỳ	697.564.440	992.631.522	329.279.856	15.940.002	2.035.415.820
Tăng khác	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	46.597.500	46.597.500
Giảm do thanh lý	-	-	-	46.597.500	46.597.500
Giảm do điều chuyển sang CCDC	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>16.331.266.685</u>	<u>11.021.003.339</u>	<u>5.309.056.906</u>	<u>1.412.756.017</u>	<u>34.074.082.947</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	21.719.342.972	6.269.390.651	1.753.610.173	48.955.794	29.791.299.590
Tại ngày cuối năm	21.021.778.532	5.276.759.129	1.424.330.317	33.015.792	27.755.883.770